TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 225/2020/QĐST-HNGĐ	*Châu Thành, ngày 10 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 292/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Nguyễn Thành N, sinh năm 1999.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Chị Lâm Thị Kim N, sinh năm 2001.

Địa chỉ:, khu phố X, phường E, thành phố N, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị N tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre vào tháng 02 năm 2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bên gia đình chồng không được hạnh phúc, nên cả hai đã sống ly thân nhau từ ngày 23/5/2020 cho đến nay. Anh N và chị N yêu cầu Tòa giải quyết công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị. Từ những căn cứ nêu trên có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của anh N và chị N đã không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh N và chị N là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh N và chị N không có chung.

[3] Về tài sản chung: Anh N và chị N thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh N và chị N thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Anh N và chị N không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Thành N với chị Lâm Thị Kim N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: anh N và chị N không có con chung.

- Về tài sản chung: anh N và chị N thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Toà án không xem xét.

- Về nợ chung: anh N và chị N thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Toà án không xem xét.

- Ghi nhận sự tự nguyện của anh N và chị N không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

2. Lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Anh N và chị N mỗ người chịu 150.000 đồng nhưng anh N tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng mà anh N đã tự nguyện nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001178 ngày 17/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Anh N và chị N đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**** Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS;
- UBND xã Hữu Định;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Trần Thị Ánh